

NGHỊ QUYẾT

Về thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất;
dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI LĂM
(Từ ngày 11 đến ngày 13 tháng 07 năm 2019)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét Tờ trình số 2762/TTr-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất; Báo cáo thẩm tra số 362/BC-HĐND-ĐT ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất (gồm điều chỉnh diện tích dự án đã được thông qua và bổ sung dự án mới); dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, như sau:

1. Danh mục các dự án cần thu hồi đất, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (Danh mục 01):

1.1. Dự án bổ sung cần thu hồi đất: 129 dự án

1.2. Dự án có chuyển mục đích sử dụng trên 10 héc ta đất trồng lúa: 01 dự án

1.3. Dự án có chuyển mục đích sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa: 106 dự án

2. Danh mục dự án cần điều chỉnh diện tích đất thu hồi, tên gọi, tên hành chính xã và điều chỉnh diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa đã được thông qua tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố (Danh mục 2):

2.1. Điều chỉnh ranh, diện tích đất thu hồi, tên gọi, tên hành chính xã các dự án, gồm:

- 37 dự án điều chỉnh ranh, diện tích thu hồi đất trên địa bàn các quận, huyện.
- 01 dự án điều chỉnh tên gọi dự án.
- 01 dự án điều chỉnh tên hành chính xã nơi có dự án.

2.2. Điều chỉnh diện tích chuyển mục đích đất trồng lúa: 08 dự án.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố có kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết này; đảm bảo đúng tiến độ, không làm tăng tổng mức đầu tư, đảm bảo đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người dân. Đồng thời, Ủy ban nhân dân thành phố cần chỉ đạo sở, ngành phối hợp quận, huyện rà soát các dự án đảm bảo sự phù hợp, thống nhất về tên, diện tích dự án, diện tích thu hồi, diện tích chuyển mục đích đất lúa trong các văn bản liên quan đảm bảo chặt chẽ thủ tục pháp lý theo quy định trước khi thực hiện thu hồi đất.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ mười lăm thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố;
- Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố;
- Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố;
- Văn phòng Thành ủy;
- VP. Ủy ban nhân dân thành phố;
- Các sở, ban, ngành thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN quận, huyện;
- VP. Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố: CVP, PCVP, TP;
- Lưu: VT, (Phòng CTHĐ-Đức).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Lệ

STT	Tên công trình, dự án	Tên chủ đầu tư	Diện tích dự án (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	DT CMD lúa dưới 10ha (ha)	DT CMD lúa trên 10ha (ha)	DT CMD rừng dưới 20ha	Địa điểm khu đất			Căn cứ pháp lý (Quyết định giao vốn hoặc Văn bản thuận chủ trương đầu tư)	Diện tích loại đất theo		Loại đất sau CMĐ (ha)	Ghi chú
								Số thửa	Số tờ	Phường, xã, thị trấn		Diện tích	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
QUẬN 12															
1	Trường Tiểu học Tân Thới Hiệp 2	Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Khu vực Quận 12 (Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình Quận 12 cũ)	0.84	0.71	1.85			Thửa số 121,125,127,128,129,130,133,134,135,136,138,139,140,141,142,143,144,145,146,147,148,149,410 từ 22		Tân Thới Hiệp	NQ 07/NQ-HĐND ngày 21/4/2016 của HĐND TP về cho ý kiến và quyết định chủ trương đầu tư các dự án công sử dụng vốn ngân sách thành phố QĐ 6608/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của UBND TP về giao kế hoạch đầu tư công năm 2018 (đợt 1)	0.84	0.32 (ODT) 0.37 (HNK) 0.12 (NTD) 0.03 (DGT)	0.84 (DGD)	
2	Xây dựng cầu tạm (kết cấu thép) An Phú Đông	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông (Khu quản lý giao thông đô thị số 3 cũ)	0.25	0.03				Tờ số 58,61,62		An Phú Đông	QĐ 6821/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND TP về quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công nhóm C VB 3748 ngày 22/8/2018 của UBND TP về phương án xây dựng cầu tạm vượt sông Vàm Thuật, kết nối phường 5, Q. Gò Vấp với phường An Phú Đông, Q.12 QĐ 6608/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của UBND TP về giao kế hoạch đầu tư công năm 2018 (đợt 1)	0.25	0.05 (DGT) 0.17 (SON) 0.03 (ODT)	0.25 (DGT)	
3	Bê tông hóa bờ bao rạch cầu số 4	Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Khu vực Quận 12 (Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình Quận 12 cũ)	0.06	0.04				Bản đồ HVT số 463A/2018 do Công ty Thành Vinh lập ngày 27/11/2018		Thạnh Xuân	NQ số 03/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND Q12 về việc phê duyệt danh mục các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách quận giai đoạn 2018-2020 Quyết định số 572/QĐ-UBND-TC ngày 14/8/2018 của UBND Q12 về điều chỉnh kế hoạch giao vốn đầu tư xây dựng cơ bản (lần 1 năm 2018 nguồn vốn ngân sách thành phố phân cấp	0.06	0.02 (SON) 0.04 (ODT)	0.06 (DGT)	
4	Nâng cấp, mở rộng đường Thạnh Xuân 25	Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Khu vực Quận 12 (Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình Quận 12 cũ)	5.56	2.67	0.50			Tờ số 4,5,6,7,8,9,10,11		Thạnh Xuân	Quyết định số 6608/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của UBND TP về giao kế hoạch đầu tư công năm 2018 (đợt 1) nguồn vốn ngân sách thành phố, nguồn vốn xã số kiến thiết và nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)	5.56	0.01 (TSC) 0.44 (HNK) 0.50 (LUK) 1.69 (ODT) 0.54 (DTL) 2.34 (DGT) 0.04 (TON)	5.56 (DGT)	